

BẢNG I MẪU C PH N - MÔN THI NH PH N

Khí a h c : L p h c : 35C4 Năm h c : 2012-2013 ñ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ñ T : H c ph n : 123T0143020-801 - Thi t k ñ ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THI NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010420	35C4	ñ o Th ã h C ác	21/02/1989	6.0	5.0									5.5	2.8	5.0	2.5	5.3	
2	3541010621	35C5	Nguy n Th ã h Duy	03/09/1993	7.0	8.0									7.5	3.8	7.0	3.5	7.3	
3	3541010401	35C1	Lê Anh ñ c	05/07/1991	6.0	4.0									5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
4	3541010044	35RC1	Nguy n Th ã h H ng	02/01/1992	6.0	4.0									5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
5	3545030185	35C4	Nguy n Quang L nh	28/07/1992	7.0	5.0									6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
6	3541010052	35C1	Huỳnh C ã ng Nguyên	14/07/1993	8.0	7.0									7.5	3.8	6.0	3.0	6.8	
7	3541010445	35C4	Ph m V ñ h Duy Ph ng	00/00/1992	8.0	7.0									7.5	3.8	3.0	1.5	5.3	
8	3541010013	35C1	Nguy n Minh Quang	13/02/1993	9.0	6.0									7.5	3.8	5.0	2.5	6.3	
9	3541010034	35RC1	Nguy n Ho ã ng Qu c	02/11/1992	6.0	5.0									5.5	2.8	4.0	2.0	4.8	
10	3541010326	35C3	Nguy n Vi t Sang	01/11/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
11	3541010655	35C5	T Minh Tài	01/11/1992	7.0	7.0									7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
12	3541010586	35C5	Võ Công Tâm	15/12/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
13	3541010099	35C1	Nguy n Th ã h Ti n	10/03/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
14	3541010126	35C1	L² Qu c Thái	12/10/1993	7.0	8.0									7.5	3.8	5.0	2.5	6.3	
15	3541010218	35C2	ñ ã V ñ h Tr ng	20/10/1989	8.0	7.0									7.5	3.8	7.0	3.5	7.3	
16	3541010003	35C1	L² V ñ h Tr ng	30/08/1992	8.0	8.0									8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
17	3541010528	35C5	Tr n Ho ã ng VHO	25/08/1993	6.0	5.0									5.5	2.8	2.0	1.0	3.8	

T ng s : 17 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi" o Vi² n B M»n

Gi" o V Khoa